

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4 /2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Hồng Hoa và bà Trần Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huy Linh - Kiểm sát viên.

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 4 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Song N, xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, nghề nghiệp: Nội trợ, có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Bắc S, xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, nghề nghiệp: Lao động tự do, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 16/6/1988, ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị La qua thời gian tự do tìm hiểu, yêu đương đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và sống chung từ đó đến nay. Tuy nhiên, ông bà không thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới, ông bà sinh sống tại thôn Đông Tây, xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân đến năm 2003 thì chuyển về sống tại thôn Bắc Sơn, xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình sống chung, ông Hương, bà L thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Năm

2016, bà La về sống tại thôn Song Nam, xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh cho đến nay.

Nhận thấy, đời sống chung không thể kéo dài và việc ông bà không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn là trái quy định pháp luật nên bà Hoàng Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Văn H.

Về quan hệ con chung: Quá trình sống chung ông Hương, bà L có 2 con chung là Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 10/7/1990 và Nguyễn Gia T, sinh ngày 15/7/1992 (đã chết). Do con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn thống nhất với nguyên đơn nội dung trình bày về quá trình sống chung, nguyên nhân, mức độ mâu thuẫn và đề nghị Tòa án không công nhận bị đơn và nguyên đơn là vợ chồng; về con chung, tài sản, nợ chung đúng như nguyên đơn trình bày và không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình (viết tắt: Nghị quyết số 35); khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 01/6/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi thành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình (viết tắt: Thông tư liên tịch số 01): Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Lành, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Nguyên đơn phải chịu án phí, các đương sự thực hiện quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn H: Căn cứ các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp thể hiện: Người thân thích của nguyên đơn, bị đơn, thôn trưởng và chi hội phụ nữ xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân đều xác nhận ông H và bà L có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có quan hệ sống chung như vợ chồng, có con chung nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Tại văn bản số 106/UBND-TP ngày 31/3/2025 của Ủy ban nhân dân xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân về việc trả lời yêu cầu thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án có nội dung: “Hiện tại UBND xã Cương Gián chỉ lưu Sổ Đăng ký kết hôn từ năm 1993 đến nay. Qua kiểm tra trong sổ Đăng ký kết hôn lưu trữ tại xã Xương Gián thì không thấy có trường hợp kết hôn giữa bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn H...”. Do đó, trên cơ sở lời khai của các đương sự, các chứng cứ đã được thẩm định, đủ cơ sở để khẳng định giữa ông H và bà L có quá trình sống chung như vợ chồng nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán phù hợp với thực tế tại địa phương vào năm 1988.

[2.2] Theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 (Luật có hiệu lực tại thời điểm các đương sự sống chung) quy định: “Điều 8: Việc kết hôn do UBND xã, phường, thị trấn, nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định.

...

Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý”.

[2.3] Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Luật có hiệu lực tại thời phát sinh yêu cầu) quy định: “Điều 9: Đăng ký kết hôn: 1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật của hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

“Điều 14. Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

[3] Từ những căn cứ trên thấy rằng: Nguyên đơn và bị đơn có thời gian chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật hôn nhân và gia đình công nhận do đó không phát sinh các quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bà Hoàng Thị L yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị

quyết số 35; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật.

[4]. Về con chung: Ông H, bà L có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 10/7/1990 và Nguyễn Gia T, sinh ngày 15/7/1992 (đã chết). Do con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về tài sản, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 01/6/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị L. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung không xem xét.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Hoàng Thị L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo Biên lai số 0006712 ngày 17/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Vụ án được xét xử công khai. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- Thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân;
- UBND xã Cương Gián, h. Nghi Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký đóng dấu)

Lê Nữ Ngọc Diệp

